

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục tăng gần 4 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,296.75 điểm. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 9/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bảo hiểm và Bán lẻ dẫn đầu đà tăng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng nhẹ trên sàn HNX. Thị trường vẫn đang tăng theo đà nhờ sự luân chuyển giữa các lớp cổ phiếu và hỗ trợ từ nhóm cổ phiếu lớn. Chưa xuất hiện tín hiệu đảo chiều ngắn hạn nhưng chúng tôi tiếp tục lưu ý về khả năng rung lắc tại ngưỡng cản trung hạn 1,300 điểm trong vài phiên tới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 21/02/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+3.77** điểm, đóng cửa tại **1296.75** điểm. HNX-Index **-0.45** điểm, đóng cửa tại **237.57** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+1.90)**, **CTG (+0.84)**, **BCM (+0.64)**, **MWG (+0.50)**, **VPB (+0.48)**.
- Kéo chỉ số giảm: **FPT (-0.35)**, **VIC (-0.27)**, **VHM (-0.24)**, **GAS (-0.22)**, **HPG (-0.15)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **14,437** tỷ đồng, giảm **-3.54%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 15,905 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 5.77 điểm. Thị trường có **202** mã tăng, 76 mã tham chiếu, **258** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-193.04** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-147.94 tỷ)**, **KDH (-55.46 tỷ)**, **STB (-52.82 tỷ)**, **MWG (-47.74 tỷ)**, **FRT (-35.90 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **11.71** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.22%**. Các mã diễn biến tích cực: **MWG (+2.47%)**, **CTG (+1.59%)**, **VCB (+1.53%)**.
- BSC50 **-0.05%**. Các mã diễn biến tích cực: **CTD (+3.83%)**, **C4G (+2.77%)**, **CEO (+2.11%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.22%	-0.05%	0.29%	0.32%
1 tuần	1.07%	2.17%	1.62%	0.99%
1 tháng	2.60%	6.42%	4.36%	3.36%
3 tháng	1.68%	7.01%	5.59%	5.26%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,296.75	237.57	100.61
% 1D	0.29%	-0.19%	0.53%
GTGD (tỷ VND)	14,437	1,003	832
%1D	-3.54%	-7.55%	-20.51%
GDNN (tỷ VND)	-193.04	11.71	-11.33

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
GVR	38.13	FPT	-147.94
SHB	36.96	KDH	-55.46
DPM	35.82	STB	-52.82
VCI	32.64	MWG	-47.74
GEX	28.67	FRT	-35.90

Thị trường thế giới

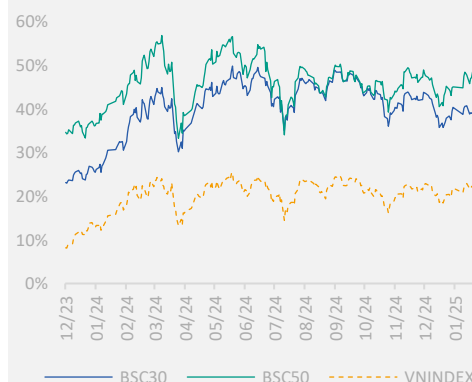
		%D	%W
SPX	6,118	-0.43%	0.04%
FTSE100	8,678	0.17%	-0.63%
Eurostoxx	5,473	-0.14%	-0.62%
Shanghai	3,379	0.85%	0.97%
Nikkei	38,784	0.28%	-0.97%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	75.95	-0.87%
Giá vàng	2,926	-1.05%
Tỷ giá		
USD/VND	25,660	-0.19%
EUR/VND	27,461	0.40%
JPY/VND	174	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.2%	-0.01%
LS LNH 1M	4.7%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



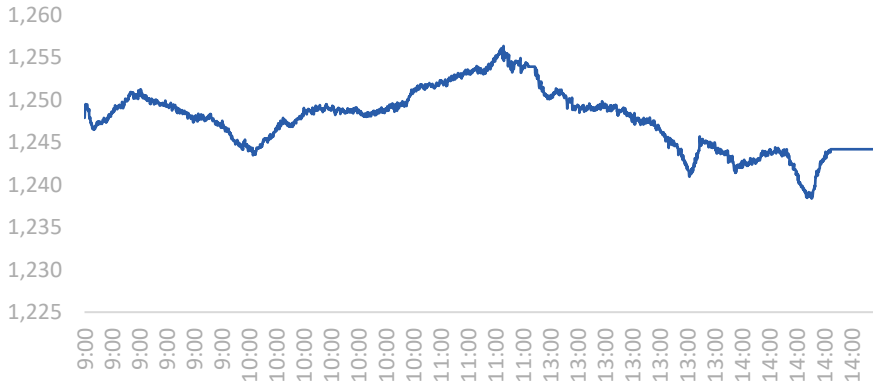
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1356.50	0.19%	56	70%	9/18/2025	209
VN30F2504	1354.00		168		4/17/2025	55
VN30F2503	1353.80	0.43%	166,983	484%	3/20/2025	27
VN30F2506	1356.60	0.27%	63	-40%	6/19/2025	118

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +4.28 điểm, đóng cửa tại 1353.73 điểm. Biên độ dao động 7.23 điểm. Các cổ phiếu như TCB, VHM, MWG, VPB, VIC tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 tiếp tục tăng gần 5 điểm trong phiên hôm nay và đóng cửa tại 1,353.73 điểm. Những cây nến thân nhỏ cùng bóng trên và dưới có độ dài tương đương nhau cho thấy sự giằng co giữa bên bán và bên mua.
- Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2506. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CMWG2403	3/6/2025	13	2,433,300	-88.47%	6.45	50	150.0%	10.41	6.70	58.10	58.10
CVIC2406	3/28/2025	35	7,400	-86.99%	4.69	120	33.3%	7.20	5.29	40.65	40.65
CVHM2504	6/30/2025	129	19,000	-85.73%	4.45	650	30.0%	17.96	5.75	40.30	40.30
CMWG2405	4/28/2025	66	2,536,900	-85.61%	6.60	440	29.4%	12.89	8.36	58.10	58.10
CVNM2405	4/28/2025	66	985,600	-87.52%	6.75	230	27.8%	13.78	7.66	61.40	61.40
CFPT2407	6/30/2025	129	195,400	-74.84%	15.87	800	23.1%	5.09	35.73	142.00	142.00
CVPB2403	3/6/2025	13	518,800	-86.32%	1.90	380	18.8%	8.78	2.66	19.45	19.45
CMWG2502	5/26/2025	94	3,392,300	-81.67%	6.00	930	17.7%	10.43	10.65	58.10	58.10
CMWG2408	5/14/2025	82	2,600	-82.31%	6.50	630	16.7%	8.61	10.28	58.10	58.10
CHPG2507	6/30/2025	129	20,400	-82.76%	2.96	800	15.9%	11.77	4.56	26.45	26.45
CVNM2501	5/26/2025	94	1,201,900	-85.54%	6.45	490	14.0%	11.09	8.88	61.40	61.40
CMWG2406	7/28/2025	157	178,600	-81.20%	6.60	1,080	13.7%	12.91	10.92	58.10	58.10
CVNM2406	7/28/2025	157	24,000	-85.04%	6.85	590	13.5%	13.78	9.19	61.40	61.40
CMWG2501	6/26/2025	125	37,100	-81.07%	6.20	960	12.9%	10.40	11.00	58.10	58.10
CHDB2401	3/28/2025	35	225,300	-86.54%	2.50	180	12.5%	6.16	3.10	23.05	23.05
CMWG2407	11/4/2025	256	436,000	-81.45%	7.00	630	12.5%	8.55	10.78	58.10	58.10
CACB2504	5/26/2025	94	220,200	-83.05%	2.60	920	10.8%	11.82	4.44	26.20	26.20
CMWG2503	10/27/2025	248	425,000	-76.08%	6.30	1,520	9.4%	10.40	13.90	58.10	58.10
CMWG2505	10/9/2025	230	27,100	-73.60%	6.10	1,540	9.2%	8.70	15.34	58.10	58.10
CMWG2504	3/26/2026	398	265,300	-72.20%	6.60	1,910	9.1%	10.37	16.15	58.10	58.10

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 21/02/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CVIC2406 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 33.33%. CMWG2502 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.42%.
- CFPT2404, CTCB2504, CVHM2503, CVPB2504, CMBB2505 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2402, CFPT2403, CVIB2503, CVHM2504, CSTB2503 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
MWG	58.10	2.47%	1.55
VPB	19.45	1.30%	1.02
ACB	26.20	0.96%	0.93
VCB	93.10	1.53%	0.81
VNM	61.40	1.15%	0.54

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	142.00	-0.70%	-0.87
HPG	26.45	-0.38%	-0.33
VIC	40.65	-0.73%	-0.31
MSN	67.60	-0.59%	-0.29
VHM	40.30	-0.62%	-0.24

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	93.10	1.53%	1.90	5.59
CTG	41.50	1.59%	0.84	5.37
BCM	74.90	3.45%	0.64	1.04
MWG	58.10	2.47%	0.50	1.46
VPB	19.45	1.30%	0.48	7.93

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

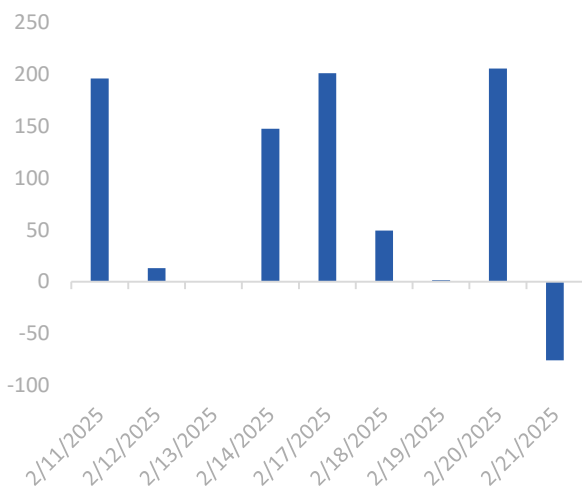
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIF	21.50	9.69%	0.45	0.35
CEO	14.50	2.11%	0.10	0.54
BKC	84.90	9.97%	0.06	0.01
HUT	17.30	0.58%	0.06	0.89
VTZ	18.50	5.71%	0.05	0.08

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MSH	47.50	6.98%	0.06	0.50
HHV	10.75	6.97%	0.08	9.46
BMC	21.60	6.93%	0.00	0.44
VRC	8.81	6.92%	0.01	0.15
STG	43.95	6.80%	0.07	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BPC	14.40	9.92%	0.01	0.03
DTC	8.90	9.88%	0.01	0.00
HTC	5.60	9.80%	0.02	0.06
PIA	23.90	9.63%	0.14	0.00
PCT	34.00	8.97%	0.05	0.00

Hình 1
Giao dịch tự doanh


Nguồn: FiinProX, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FPT	142.00	-0.70%	-0.35	1.47
VIC	40.65	-0.73%	-0.27	3.82
VHM	40.30	-0.62%	-0.24	4.11
GAS	68.40	-0.58%	-0.22	2.34
HPG	26.45	-0.38%	-0.15	6.40

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

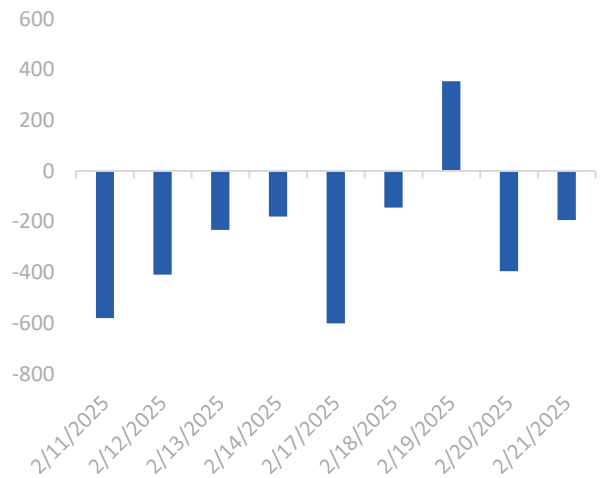
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	236.60	-8.15%	-2.37	0.20
NVB	11.40	-1.72%	-0.14	1.17
BAB	12.20	-1.61%	-0.12	0.96
MBS	28.50	-1.04%	-0.10	0.57
SHS	14.20	-1.39%	-0.10	0.81

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	10.00	-6.98%	-0.01	1.92
HAG	10.75	-6.93%	-0.19	35.41
HHS	8.61	-6.92%	-0.05	3.41
NHA	23.55	-6.92%	-0.02	1.42
DXV	4.59	-6.90%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAE	12.80	-9.86%	-0.01	0.00
HMR	21.10	-9.83%	-0.04	0.20
CMS	18.40	-9.80%	-0.17	0.61
TXM	6.50	-9.72%	-0.02	0.04
MCO	12.20	-9.63%	-0.02	0.05

Hình 2
Giao dịch khối ngoại


Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã CK	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	93.1	1.53%	0.6	20,394	9.1	6,053	15.1	-	22.8%	Link
BID	Ngân hàng	40.9	0.00%	1.3	11,057	4.8	3,575	11.3	-	16.8%	Link
VPB	Ngân hàng	19.5	1.30%	0.9	6,048	33.7	1,989	9.5	-	24.9%	Link
FPT	Phần mềm	142.0	-0.70%	1.2	8,187	29.7	5,336	27.0	107,900	44.7%	Link
TCB	Ngân hàng	26.5	-0.19%	1.3	7,338	25.2	3,046	8.5	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	22.9	0.22%	1.1	5,477	19.0	4,265	5.3	26,600	20.2%	Link
STB	Ngân hàng	38.9	0.26%	1.4	2,870	12.6	5,351	7.2	-	22.9%	Link
CTG	Ngân hàng	41.5	1.59%	1.5	8,734	12.4	4,719	8.5	-	296.9%	Link
ACB	Ngân hàng	26.2	0.96%	0.8	4,587	13.1	3,759	6.9	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	25.4	0.40%	1.7	1,949	11.5	1,445	17.4	-	39.3%	Link
IDC	Bất động sản	56.0	0.18%	1.2	724	3.2	6,050	8.9	65,700	22.4%	Link
HPG	Thép	26.5	-0.38%	1.1	6,631	13.7	1,879	14.1	41,500	21.6%	Link
HSG	Thép	17.6	0.00%	1.6	427	2.3	929	18.6	25,300	9.0%	Link
VHM	Bất động sản	40.3	-0.62%	0.6	6,488	6.5	7,591	5.1	108,300	11.4%	Link
KDH	Bất động sản	33.7	-1.61%	1.1	1,334	5.0	801	42.3	44,500	37.1%	Link
NLG	Bất động sản	32.9	0.00%	1.4	497	2.0	1,330	23.8	-	42.8%	Link
DGC	Hóa chất	109.5	-0.73%	1.4	1,630	5.1	7,870	13.7	115,000	17.2%	Link
DCM	Hóa chất	35.9	0.00%	1.0	745	1.9	2,518	14.2	38,700	5.8%	Link
GAS	Dầu khí	68.4	-0.58%	0.4	6,280	2.1	4,439	15.3	-	1.7%	Link
PVS	Dầu khí	34.3	-0.58%	1.2	643	1.9	2,473	14.0	57,000	19.1%	Link
PVD	Dầu khí	24.1	-1.03%	1.5	525	3.2	1,249	19.5	38,400	9.8%	Link
POW	Điện	12.4	1.23%	0.7	1,134	3.0	535	22.9	17,100	3.6%	Link
VHC	Thủy sản	71.0	0.85%	1.3	625	3.8	5,496	12.6	108,500	27.1%	Link
GMD	Logistic	62.0	0.81%	0.8	1,006	2.4	3,525	17.3	90,400	44.8%	Link
VNM	Thực phẩm	61.4	1.15%	0.4	5,029	11.4	4,494	13.4	93,100	50.8%	Link
MSN	Thực phẩm	67.6	-0.59%	1.0	3,811	6.1	1,321	50.3	110,000	23.2%	Link
MWG	Bán lẻ	58.1	2.47%	1.1	3,328	28.0	2,547	21.4	-	45.2%	Link
PNJ	Hàng cá nhân	94.3	0.21%	1.2	1,249	1.8	6,258	15.0	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	38.8	0.00%	1.8	333	2.7	2,024	18.7	66,600	19.5%	Link
CTR	Xây dựng	120.5	0.42%	1.5	540	2.0	4,749	25.6	-	8.9%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Mã CK	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	23.05	0.88%	1.2	3,157	11.2	3,652	6.2	1.5	17.5%	29.1%
VIB	Ngân hàng	20.6	0.24%	1.1	2,405	6.4	2,418	8.4	1.5	5.0%	18.9%
TPB	Ngân hàng	17.0	-0.58%	1.4	1,760	7.9	2,299	7.4	1.2	30.0%	14.2%
MSB	Ngân hàng	11.6	0.00%	1.1	1,177	8.7	2,123	5.4	0.8	27.5%	13.3%
EIB	Ngân hàng	20.2	-1.22%	0.8	1,475	7.6	1,786	10.9	1.4	2.4%	11.8%
HCM	Chứng khoán	29.9	-0.33%	1.9	844	7.9	1,444	20.5	2.0	44.1%	10.9%
VCI	Chứng khoán	36.3	-0.14%	1.7	1,020	10.8	1,268	28.3	2.0	24.7%	10.2%
VND	Chứng khoán	13.4	-0.37%	1.6	797	6.9	1,129	11.7	1.0	10.6%	13.0%
BSI	Chứng khoán	46.4	-0.75%	2.1	405	0.5	1,852	25.0	2.0	41.1%	8.1%
SHS	Chứng khoán	14.2	-1.39%	2.0	453	4.6	1,244	11.4	1.0	4.5%	9.1%
CTD	Xây dựng	95.0	3.83%	1.4	372	4.9	3,732	24.2	1.0	49.0%	3.9%
HHV	Xây dựng	13.0	0.78%	1.5	219	6.1	937	13.7	0.6	7.2%	4.5%
LCG	Xây dựng	11.0	0.46%	1.5	83	2.1	684	15.9	0.8	2.5%	6.2%
SZC	Bất động sản	44.0	-0.11%	1.1	310	3.0	1,678	25.6	2.5	2.4%	12.0%
SIP	Bất động sản	87.5	2.10%	1.3	722	3.6	5,530	14.6	3.9	4.6%	29.7%
PHR	Cao su	62.4	1.30%	1.0	331	2.1	3,464	16.4	2.0	18.1%	10.5%
DIG	Bất động sản	19.4	0.78%	1.6	462	6.5	171	112.3	1.5	4.4%	1.0%
CEO	Bất động sản	14.5	2.11%	2.1	307	4.8	352	38.9	1.2	4.0%	2.1%
KBC	Bất động sản	29.5	-1.17%	1.3	886	5.4	555	52.6	1.2	19.5%	2.6%
VGC	VLXD	52.8	0.38%	1.2	928	1.5	2,464	20.7	2.8	5.4%	5.9%
GVR	Cao su	32.4	0.15%	1.7	5,079	4.9	1,053	29.3	2.3	0.3%	7.3%
NKG	Thép	14.1	-1.06%	1.6	246	2.8	1,012	13.7	1.1	5.3%	8.1%
BMP	VLXD	118.5	-0.75%	1.2	380	0.9	12,103	9.7	3.6	83.5%	34.4%
IJC	Bất động sản	14.7	0.00%	1.3	217	1.1	941	15.6	1.1	4.8%	6.3%
DXG	Bất động sản	15.2	-0.98%	1.5	517	5.3	350	42.1	1.0	15.7%	1.7%
VRE	Bất động sản	17.3	-0.58%	1.2	1,536	6.0	1,802	9.3	0.9	17.8%	10.5%
PDR	Bất động sản	19.2	-1.29%	1.8	655	4.6	599	32.1	1.5	8.1%	8.1%
HUT	Sản xuất ô tô	17.3	0.58%	0.7	605	4.4	152	118.0	1.9	1.3%	1.3%
C4G	Xây dựng	9.0	2.77%	1.1	127	0.7	502	17.7	0.8	0.0%	5.3%
CSV	Hóa chất	43.9	-0.68%	1.6	190	2.3	2,157	20.3	3.2	2.8%	17.4%
DHC	Sản xuất giấy	35.1	-0.85%	1.1	111	0.3	3,007	11.7	1.4	40.0%	14.1%
DRC	Lốp xe	28.8	-1.03%	0.9	134	0.8	1,950	14.7	1.8	8.8%	14.4%
PC1	Xây dựng	23.8	-0.84%	1.2	333	1.8	1,287	18.5	1.5	15.5%	9.7%
HDG	Bất động sản	27.7	-0.54%	1.5	365	1.5	1,714	16.0	1.5	19.8%	12.6%
GEX	Thiết bị điện	22.5	-0.22%	1.5	756	7.0	1,890	11.9	1.4	7.0%	7.1%
QTP	Điện	13.9	-0.68%	0.5	245	0.1	1,444	9.6	1.2	0.9%	12.5%
PLX	Dầu khí	43.2	0.23%	0.7	2,151	3.1	2,274	18.7	2.1	17.4%	11.6%
BSR	Dầu khí	20.2	-0.49%	1.1	2,449	1.9	202	99.4	1.1	0.5%	5.3%
PLC	Dầu khí	25.9	0.78%	1.3	82	0.4	534	47.5	1.6	0.4%	3.9%
ANV	Thủy sản	17.3	0.87%	1.2	181	1.4	182	92.7	1.6	0.8%	1.4%
PTB	Gỗ	60.4	-0.98%	1.2	158	0.2	5,541	10.8	1.4	23.4%	11.8%
VSC	Logistic	18.2	0.00%	1.2	205	1.5	1,614	11.1	1.1	3.4%	8.0%
HAH	Logistic	53.2	-0.93%	0.9	253	3.3	5,361	9.8	2.0	14.0%	14.9%
VTP	Logistic	152.2	0.00%	1.4	726	2.0	3,144	49.2	11.8	7.0%	23.9%
DBC	Nuôi trồng	28.0	0.36%	1.6	367	6.6	2,298	11.8	1.3	8.1%	9.6%
FRT	Bán lẻ	184.0	-2.39%	0.9	983	5.8	2,330	81.7	13.6	34.9%	9.0%
QNS	Thực phẩm	50.3	-0.34%	0.6	725	0.8	6,467	7.9	1.9	11.8%	27.8%
TNG	Dệt may	23.4	0.43%	1.2	112	0.7	2,574	9.0	1.5	16.4%	16.3%
PVT	Logistic	26.4	-0.56%	1.0	368	1.4	3,075	8.5	1.2	12.5%	15.6%
DPM	Phân bón	37.2	0.00%	1.1	571	5.5	1,518	23.8	1.3	8.9%	5.9%
REE	Điện	72.0	-0.14%	1.0	1,329	3.7	4,232	15.9	1.7	49.0%	10.2%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2025	x		Click
2	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
3	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
4	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
9	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
10	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
11	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
12	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
13	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
14	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
15	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
16	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
17	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
19	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
21	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Đỗ Thu Phương

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Định lượng
Phuongdt@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659 ☎

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>